

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HS-PT
Ngày: 06-03-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Huỳnh Ngọc T do có kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của Lê Thị Ngọc G, Lê Thị Ngọc S, Lê Thị Ngọc P (là người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Ngọc Á) là bà Trần Ánh T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 107/2023/HS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1966 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số B, Khu phố C, Phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: lái xe; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1922 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1922 (đã chết); vợ: Ngô Thị Kim L, sinh năm 1980; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/7/2023 cho đến nay; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Ngọc Á (đã chết):

+ Ông Lê Quang L1 (cha bị hại), sinh năm 1952; nơi cư trú: ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

+ Bà Mai Thị R (mẹ bị hại), sinh năm 1952; nơi cư trú: ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

Ông Lê Quang L1 và bà Mai Thị R đều ủy quyền cho ông Nguyễn Trung C, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số D, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người giám hộ cho Lê Thị Ngọc G, Lê Thị Ngọc S, Lê Thị Ngọc P (là người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Ngọc Á) có kháng cáo: Bà Trần Ánh T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Lê Thị Ngọc G: Ông Đào Công H1 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Lê Thị Ngọc S: Ông Huỳnh Thanh S1 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B;

có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của* Lê Thị Ngọc P: Ông Lê Quốc Đ là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; có mặt.

- *Bị đơn dân sự:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V;

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn B1 - Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh M, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số A, Khu phố A, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 50 phút ngày 14/5/2023, Huỳnh Ngọc T sau khi đã có uống rượu nồng độ còn 0,146 mg/lít khí thở, điều khiển xe ô tô tải biển số 71C - 082.57 lưu thông trên đường N theo hướng từ cầu G về ngã ba P. Đến đoạn gần Cửa hàng V1 ở ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, T điều khiển xe lấn sang phần đường bên trái hướng đang lưu thông, ngay lúc này T phát hiện phía trước khoảng 22 mét có xe mô tô biển số 66S1 - 096.73 do anh Lê Ngọc A (sinh năm 1986, đăng ký thường trú: Số B, Khu phố B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre) đang điều khiển lưu thông theo chiều ngược lại. T đánh lái sang bên phải để tránh xe mô tô của anh A nhưng không kịp đã đụng vào xe mô tô biển số 66S1 - 096.73 do anh A đang điều khiển. Hậu quả anh A tử vong tại hiện trường.

Cơ quan điều tra tạm giữ:

- 01 (một) xe ô tô tải biển số: 71C - 082.57, nhãn hiệu: TMT, số loại: Daisaki, số máy: JE493ZLQ433114593, số khung: RRT08035DK1A00025 do Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V (Công ty V) làm chủ sở hữu xe;

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 66S1 - 096.73, nhãn hiệu: LISOHAKA, số khung: 022LK-044804, số máy: FMH-00044804 do chị Trần Ánh T1, sinh năm 1990, đăng ký thường trú: Số B, Khu phố B, Phường H, thành phố B làm chủ;

- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng C mang tên Huỳnh Ngọc T;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 71C - 082.57;

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 71C - 082.57;

- 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm xe cơ giới biển số 71C - 082.57;

- 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô biển số 71C - 082.57;

Hiện trường xảy ra trên đường N thuộc địa phận ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; đoạn đường thẳng, mặt đường được trải nhựa rộng 9,5 mét; ở giữa có vạch sơn màu vàng kẻ đứt quãng làm tim đường chia mặt đường thành hai phần đường xe chạy. Chọn hướng lưu thông từ cầu G về ngã ba P tiến hành khám nghiệm; chọn vạch sơn màu vàng kẻ đứt quãng (tim đường) làm điểm đo cố định; chọn Trụ điện số 178 nằm ở trên lề đường bên trái làm điểm mốc cố định để đo, vẽ hiện trường.

Xe ô tô tải biển số 71C - 082.57 nằm ở phần đường bên phải, đầu xe hướng về ngã ba P, đuôi xe hướng về cầu G; trục bánh xe trước bên trái cách tim đường 1,6 mét, cách tâm trục bánh xe sau xe mô tô biển số 66S1 - 096.73 là 0,9 mét; trục bánh xe sau bên trái cách tim đường 1,5 mét, cách Trụ điện số 178 là 29,3 mét.

Xe mô tô biển số 66S1 - 096.73 ngã về bên trái, nằm dưới gầm đầu xe ô tô tải biển số 71C - 082.57 đuôi xe hướng vào tim đường; tâm trục bánh xe trước bên trái

cách tim đường 2,8 mét; tâm trục bánh xe sau bên trái cách tim đường 1,75 mét, cách đầu trục bánh xe trước bên trái xe ô tô tải biển số 71C - 082.57 là 0,9 mét.

Nạn nhân nằm ở phần đường bên phải; đầu nạn nhân hướng về **cầu G**; chân nạn nhân hướng về ngã ba **P**; đầu cách tim đường 2,1 mét, cách vết cày 1 là 15,85 mét, cách trụ điện 178 là 29,65 mét; cuối chân trái cách tim đường 2,2 mét.

Vết cày 1 có chiều dài 75,7 mét nằm ở phần đường bên trái; đầu vết cày hướng về **cầu G** cách tim đường 1,15 mét, cách tâm vùng mảnh vỡ 10 mét, cách đầu nạn nhân 15,85 mét, cách Trụ điện số 178 là 44,3 mét. Cuối vết cày nằm ở phần đường bên phải trùng với gát chân trước bên trái xe mô tô biển số 66S1 - 096.73 và cách tim đường 2,35 mét.

Vết cày 2 có chiều dài 73,2 mét nằm ở phần đường bên trái; đầu vết cày hướng về **cầu G**, cách tim đường 0,85 mét, cách đầu vết cày 1 là 3,3 mét; cuối vết cày hướng về ngã Ba **P**, nằm ở phần đường bên phải, trùng với đầu tay cầm bên trái xe mô tô biển số 66S1 - 096.73 và cách tim đường 3,1 mét.

Vết cày 3 nằm phần đường bên phải có chiều dài 19,0 mét, đầu vết cày hướng về **cầu G**, cách tim đường 0,55 mét, cách trụ điện 178 là 15,2 mét; cuối vết cày hướng về ngã ba **P**, trùng với mặt ngoài phía sau phần đuôi бага kim loại bên trái của xe mô tô và cách tim đường 1,75 mét.

Vùng mảnh vỡ tại hiện trường dài nhất 8 mét, rộng nhất 7 mét; vùng mảnh vỡ cách tim đường 1,2 mét, cách đầu vết cày 1 là 10 mét.

Tại Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông đối với xe mô tô biển số 66S1 - 096.73 ghi nhận như sau:

- Toàn bộ ốp mũ bảo vệ xe phía trước, đèn chuyển hướng trái, phải, phía trước, cụm đồng hồ bị bể sứt mất; ốp mũ bảo vệ cổ xe phía trước bị bể, sứt mất, thanh kim loại cố định ốp mũ bảo vệ cổ xe phía trước bị cong biến dạng theo chiều hướng từ phải qua trái, bề mặt của **T3** có vết ma sát mài mòn không rõ hình, kích thước 10 x 6cm.

- Chấn ba, phuộc trước, trái, phải bị cong lệch theo chiều hướng từ trái sang phải.

- Đầu tay cầm lái bên trái, phần đầu cao su mặt sau tay cầm lái có vết ma sát mài mòn kích thước 4 x 3,5cm; phần kim loại đầu tay cầm lái bị ma sát mài mòn kích thước 2 x 1cm.

- Gát chân trước bên trái bị cong lệch từ sau về trước, từ dưới lên trên; phần đầu cao su của gát chân bị ma sát mài mòn kích thước 4,5 x 4cm; phần đầu trên kim loại của gát chân bị ma sát mài mòn kích thước 2 x 1,5cm.

- Mặt ngoài phía sau bên trái ba ga kim loại phía sau xe có vết ma sát mài mòn, kích thước là 7,5 x 1cm.

Tại Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông đối với xe ô tô tải biển số 71C - 082.57 ghi nhận như sau:

- Toàn bộ dấu vết nằm ở phần đầu xe phía trước bên phải.
- Kính chắn gió phía trước, bên phải bị sứt bể, kích thước vùng nứt bể (80 x 80cm), tâm vùng rạn nứt cách mép phải đầu xe 46cm.

- Ốp bảo vệ đầu xe phía trước, phía dưới kính chắn gió bị móp, thung, biến dạng từ trước về sau, từ ngoài vào trong. **T2** vùng móp thung cách đất 120cm.

- Khung kim loại gắn logo xe phía trước, kích thước 111cm x 23cm; phần đầu bên trái bị bung hở (độ hở 10cm), điểm cao nhất cách đất 107cm, điểm thấp nhất cách đất 85cm. Phần đầu bên phải bị móp thung biến dạng theo chiều hướng từ trước về

sau, từ ngoài vào trong; điểm cao nhất cách đất 107cm, điểm thấp nhất 84cm.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số 88/KLGĐTT-KTHS ngày 19/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính:
 - Kết quả khám nghiệm:
 - + Diện hân, sây sát da vùng ngực, kích thước 19cm x 06cm;
 - + Nhiều vết mài trượt, sây sát da vùng lưng.
 - + Giáp, xuất huyết tổ chức dưới da, cơ vùng ngực.
 - + Gãy xương sườn từ số II đến số X bên phải và số II đến số VI bên trái.
 - + Khoang ngực phải có khoảng 300ml máu loãng. Khoang ngực trái có khoảng 2000ml máu loãng và 300g máu đông.
 - + Giáp, rách, xuất huyết hai phổi.
 - + Khoang bụng có khoảng 200ml máu loãng.
 - + Giáp, vỡ gan nham nhỏ.
 - Kết quả xét nghiệm, giám định khác: Nồng độ Ethanol máu: 17,6mmol/L.
 2. Kết luận nguyên nhân chết: Nạn nhân Lê Ngọc Á chết do đa chấn thương.
- Quá trình điều tra, Huỳnh Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả đo nồng độ cồn, biên bản khám nghiệm phương tiện, Kết luận giám định tử thi và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được.

Về xử lý vật chứng:

Ngày 10/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả xe mô tô biển số 66S1 - 096.73 cho chị Trần Ánh T1.

Đối với xe ô tô tải biển số 71C - 082.57 là phương tiện liên quan đến vụ án cùng các giấy tờ kèm theo gồm: Giấy phép lái xe hạng C mang tên Huỳnh Ngọc T; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 71C - 082.57; Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 71C - 082.57; Giấy chứng nhận bảo hiểm xe cơ giới biển số 71C - 082.57; Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô biển số 71C - 082.57 cần tiếp tục tạm giữ xem xét xử lý theo luật định.

Về trách nhiệm dân sự: Những người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Ngọc Á gồm:

- Ông Lê Quang L1 (cha của bị hại) yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần số tiền là 20.000.000 đồng, bị can đã bồi thường xong;
- Bà Mai Thị R (mẹ của bị hại) yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần số tiền là 30.000.000 đồng, bị can đã bồi thường xong;
- Bà Trần Ánh T1 (trước đó là vợ của bị hại, hiện đã ly hôn vào ngày 16/4/2015) yêu cầu bồi thường 864.000.000 đồng, trong đó bao gồm: chi phí mai táng 64.000.000 đồng; chi phí cấp dưỡng nuôi con 800.000.000 đồng. Đối với phần tiền bồi thường tổn thất tinh thần và chi phí sửa chữa xe bà T1 không yêu cầu bồi thường.

Công ty V do anh Trần Thanh M là người đại diện đã bồi thường cho bà T1 chi phí mai táng 64.000.000 đồng. Công ty V và bị cáo T chỉ đồng ý liên đới bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi con cho bà T1 450.000.000 đồng, hiện hai bên chưa thống nhất số tiền này nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre giải quyết theo pháp luật.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 107/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc T phạm "Tội vi phạm quy định về tham gia giao

thông đường bộ”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Huỳnh Ngọc T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V2 bồi thường số tiền tổn thất tinh thần 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng cho Lê Thị Ngọc G, Lê Thị Ngọc S, Lê Thị Ngọc P do bà Trần Ánh T1 đại diện nhận;

Buộc bị cáo Huỳnh Ngọc T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V2 cấp dưỡng mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ ngày 14/5/2023 cho đến khi các cháu Lê Thị Ngọc G, Lê Thị Ngọc S, Lê Thị Ngọc P đủ 18 tuổi do bà Trần Ánh T1 đại diện nhận.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 18/12/2023, người giám hộ cho Lê Thị Ngọc G, Lê Thị Ngọc S và Lê Thị Ngọc P là bà Trần Ánh T1 kháng cáo về trách nhiệm dân sự, cụ thể: yêu cầu tăng mức cấp dưỡng đối với mỗi cháu Lê Thị Ngọc G, Lê Thị Ngọc S và Lê Thị Ngọc P từ 1.000.000 đồng/tháng lên 2.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng 01 lần; yêu cầu bồi thường 01 lần đối với số tiền tổn thất tinh thần 70.000.000 đồng.

- Ngày 21/12/2023; bị cáo Huỳnh Ngọc T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Huỳnh Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người giám hộ cho Lê Thị Ngọc G, Lê Thị Ngọc S và Lê Thị Ngọc P (là người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Ngọc Á) là bà Trần Ánh T1 rút lại kháng cáo yêu cầu bồi thường 01 lần đối với số tiền tổn thất tinh thần 70.000.000 đồng, giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng tiền cấp dưỡng đối với mỗi cháu Lê Thị Ngọc G, Lê Thị Ngọc S và Lê Thị Ngọc P từ 1.000.000 đồng/tháng lên 2.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng 01 lần.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang L1 và bà Mai Thị R là ông Nguyễn Trung C trình bày: Ông L1 và bà R đồng ý trả lại số tiền 70.000.000 đồng cho bị cáo T để bị cáo T bồi thường cho bà T1, chứ ông L1 và bà R không trực tiếp giao lại số tiền 70.000.000 đồng cho bà T1.

- Đại diện của bị đơn dân sự Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V là ông Trần Thanh M trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét đối với yêu cầu của bà T1 về phân trách nhiệm dân sự có liên quan đến Công ty V.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc T phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T 01 năm 09 tháng tù; xét thấy trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo có bồi

thường tổn thất tinh thần cho ông **L1** và bà **R** số tiền 70.000.000 đồng, do bồi thường sai đối tượng nên bị cáo phải có trách nhiệm thu hồi lại để bồi thường cho bà **T1**, nhưng cần xem xét để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; ông **L1** và bà **R** cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, vì vậy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo có cơ sở chấp nhận, không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo và Công ty **V2** cấp dưỡng cho các cháu **Lê Thị Ngọc G**, **Lê Thị Ngọc S** và **Lê Thị Ngọc P** mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ ngày 14/5/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi do bà **Trần Ánh T1** đại diện nhận là phù hợp; kháng cáo của bà **Trần Ánh T1** không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; không chấp nhận kháng cáo bà **Trần Ánh T1**, sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc T** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo **Huỳnh Ngọc T** và Công ty **V2** cấp dưỡng cho các cháu **Lê Thị Ngọc G**, **Lê Thị Ngọc S** và **Lê Thị Ngọc P** mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ ngày 14/5/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi do bà **Trần Ánh T1** đại diện nhận. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo tranh luận: Hoàn cảnh bị cáo khó khăn, xin được giảm nhẹ hình phạt hơn so với đề nghị của Kiểm sát viên.

- Ông **Nguyễn Trung C** (được người đại diện hợp pháp của bị hại là ông **L1** và bà **R** ủy quyền) không tranh luận.

- Người giám hộ cho **Lê Thị Ngọc G**, **Lê Thị Ngọc S** và **Lê Thị Ngọc P** (là người đại diện hợp pháp của bị hại) bà **Trần Ánh T1** không tranh luận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của **Lê Thị Ngọc P**, Trợ giúp viên pháp lý **Lê Quốc Đ** tranh luận: Tại phiên tòa, người giám hộ cho **Lê Thị Ngọc P** (là người đại diện hợp pháp của bị hại) là bà **Trần Ánh T1** đã rút lại kháng cáo yêu cầu bồi thường 01 lần đối với số tiền tổn thất tinh thần 70.000.000 đồng nên không tranh luận. Đối với kháng cáo yêu cầu tăng tiền cấp dưỡng cho cháu **P** từ 1.000.000 đồng/tháng lên 2.000.000 đồng/tháng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận; phần trách nhiệm hình sự của bị cáo thì Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, buộc bị cáo liên đới với Công ty **V3** cho cháu **P** mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng, kể từ ngày 14/5/2023 cho đến khi cháu **P** đủ 18 tuổi do bà **T1** nhận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của **Lê Thị Ngọc G**, Trợ giúp viên pháp lý **Đào Công H1** tranh luận: Kháng cáo của bà **T1** yêu cầu cấp dưỡng cho cháu **G** số tiền 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp vì bị cáo và Công ty **V** có điều kiện để cấp dưỡng theo yêu cầu của bà **T1**. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo liên đới với Công ty **V3** cho cháu **G** số tiền 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 14/5/2023 cho đến khi cháu **G** đủ 18 tuổi do bà **T1** nhận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của **Lê Thị Ngọc S**, Trợ giúp viên

pháp lý **Huỳnh Thanh S1** tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà **T1**, buộc bị cáo liên đới với **Công ty V3** cho cháu **S1** số tiền 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 14/5/2023 cho đến khi cháu **S1** đủ 18 tuổi do bà **T1** nhận.

- Đại diện bị đơn dân sự, ông **Trần Thanh M** không tranh luận.
- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện đi làm bồi thường cho phía bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo, người giám hộ cho **Lê Thị Ngọc G, Lê Thị Ngọc S** và **Lê Thị Ngọc P** (là người đại diện hợp pháp của bị hại **Lê Ngọc Á**) là bà **Trần Ánh T1** gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, người giám hộ, Trợ giúp viên pháp lý, đại diện của bị đơn dân sự, người được người đại diện hợp pháp của bị hại ủy quyền không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Khoảng 04 giờ 50 phút ngày 14/5/2022, bị cáo **Huỳnh Ngọc T** (có giấy phép lái xe hạng C) điều khiển xe ô tô biển số 71C - 082.57 trong tình trạng có sử dụng rượu mà trong hơi thở có nồng độ cồn 0,146mg/lít khí thở (vi phạm khoản 1 Điều 35 của Luật Phòng, Chống tác hại của rượu, bia) lưu thông trên **đường N** theo hướng từ **cầu G** về ngã ba **P**, khi gần đến khu vực **Công ty V4** ở **ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**, bị cáo **T** điều khiển xe lấn trái (vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Giao thông đường bộ) đã đụng vào xe mô tô biển số 66S1 - 096.73 do anh **Lê Ngọc Á** điều khiển lưu thông theo hướng ngược lại. Hậu quả anh **Á** tử vong tại hiện trường.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; khi tham gia giao thông không tuân thủ đúng quy định của Luật Giao thông đường bộ, điều khiển xe ô tô tải trong tình trạng trong máu có nồng độ cồn 0,146mg/lít khí thở, không làm chủ tay lái để xe lấn trái đường, vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật Giao thông đường bộ; khoản 1 Điều 35 của Luật Phòng, Chống tác hại của rượu, bia, hậu quả làm chết người, lỗi thuộc về bị cáo; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng của con người, xâm phạm an toàn giao thông đường bộ. Với ý thức, hành vi và hậu quả bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Huỳnh Ngọc T** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với tình tiết định khung “*Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định*” theo điểm b khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo **Huỳnh Ngọc T** yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị

cáo được hưởng như người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có nghĩa vụ nuôi con nhỏ, gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất mà khung hình phạt quy định, đã xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Mặc dù bị cáo điều khiển xe ô tô tải là nguồn nguy hiểm cao độ nhưng trong máu có nồng độ cồn 0,146mg/lít khí thở, không làm chủ tay lái để xe lấn trái đường đụng vào xe mô tô do bị hại đang điều khiển ngược chiều, làm bị hại văng ra xa cách điểm va chạm tại vị trí vết cày 1 là 15,85 mét, xe mô tô của bị hại bị kẹt dưới gầm xe ô tô của bị cáo và bị kéo lê một đoạn đường khoảng 70 mét, hậu quả làm bị hại tử vong, gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại không gì bù đắp được, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo. Bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, phạm tội có tình tiết định khung tăng nặng theo điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét thấy theo Bản án sơ thẩm tuyên thì bị cáo liên đới với Công ty V bồi thường tổn thất tinh thần cho các cháu G, S và P số tiền 70.000.000 đồng do bà T1 nhận, nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì bị cáo đã bồi thường cho ông L1 và bà R số tiền 70.000.000 đồng này, việc bồi thường nêu trên là sai đối tượng thụ hưởng theo Bản án sơ thẩm đã tuyên nên bị cáo phải có trách nhiệm tự thu hồi để bồi thường cho bà T1 nhận, nhưng cũng cần xem xét tình tiết bồi thường thiệt hại này để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; mặt khác tại cấp phúc thẩm ông L1 và bà R cũng tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, do ở cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp, kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo có cơ sở chấp nhận. Đối với kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; xét thấy việc cho bị cáo hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là chưa nghiêm, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra, không có tác dụng trong việc kéo giảm tai nạn giao thông hiện nay, cũng như không đủ sức răn đe, phòng ngừa chung, vì vậy kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bà Trần Ánh T1 yêu cầu tăng mức cấp dưỡng đối với các cháu Lê Thị Ngọc G, Lê Thị Ngọc S và Lê Thị Ngọc P, mỗi cháu từ 1.000.000 đồng/tháng lên 2.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng 01 lần, thấy rằng: Bản án hình sự sơ thẩm số: 107/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tuyên buộc bị cáo và Công ty V2 cấp dưỡng cho Lê Thị Ngọc G, Lê Thị Ngọc S và Lê Thị Ngọc P mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ ngày 14/5/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi do bà T1 đại diện nhận. Xét thấy với mức

cấp dưỡng nuôi mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng/tháng là chưa phù hợp với giá cả thị trường hiện nay, cũng như chưa bảo đảm điều kiện để phát triển về thể chất và tinh thần cho các cháu, cần thiết phải tăng mức cấp dưỡng nuôi mỗi cháu với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 14/5/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi do bà **T1** đại diện nhận là phù hợp, vì vậy kháng cáo của bà **T1** có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với kháng cáo yêu cầu cấp dưỡng 01 lần là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng quan điểm không chấp nhận kháng cáo tăng mức cấp dưỡng nuôi các cháu **G**, **S** và **P** của bà **T1** là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Trợ giúp viên pháp lý đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà **T1** tăng mức cấp dưỡng nuôi các cháu **G**, **S** và **P** mỗi cháu từ 1.000.000 đồng/tháng lên 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Huỳnh Ngọc T**; chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng mức tiền cấp dưỡng của bà **Trần Ánh T1**; sửa Bản án sơ thẩm số: 107/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc T** 01 (một) năm tù về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo **Huỳnh Ngọc T** và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên **V2** cấp dưỡng cho các cháu **Lê Thị Ngọc G**, **Lê Thị Ngọc S** và **Lê Thị Ngọc P** mỗi cháu mỗi tháng số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, kể từ ngày 14/5/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi do bà **Trần Ánh T1** đại diện nhận.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo **Huỳnh Ngọc T** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND phường 4, TPBT (1b);
- Bị cáo (1b);
- Người đại diện hợp pháp của bị hại (3b);
- Người CQLNVLQ (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông